

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DSST

Ngày 28/03/2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Nga

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Quỳnh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2017/TLST - DS ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐST-DS ngày 15/03/2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị B - sinh năm 1986.

Trú tại: Thôn H 1, xã Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hoá.

Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị T - sinh năm 1973

Trú tại: Thôn M, xã S, huyện huyện C, tỉnh Thanh Hoá.

Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2017, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Trương Thị B trình bày:

Vào khoảng năm 2014, bà Hà Thị D là người cùng thôn với chị hỏi: Chị có tiền không cho bà Trương Thị T ở làng M, xã S, huyện C vay để làm ăn, nên sau đó vì nể chị D chị cho bà T vay tiền tại nhà, vay có viết giấy và ký nhận nợ,

giấy vay không kỳ hạn, lãi xuất hai bên thỏa thuận miệng cứ 10 ngày trả lãi một lần. Sau khi vay được 10 ngày, bà T đến trả gốc lãi rất đúng hạn. Hai ngày sau bà T lại đến đặt vấn đề tiếp tục vay tiền với chị để ăn, vì tin tưởng nên chị tiếp tục cho bà T vay nhiều lần, phần lãi xuất của các lần vay bà T trả đầy đủ. Đến ngày 19/10/2015 bà T gặp chị đề nghị tổng hợp toàn bộ số nợ gốc các lần vay vào một giấy vay, tổng số tiền là 234.000.000đ, sau khi chốt nợ bà T vay thêm 40.000.000đ, đến ngày 25/10/2015 bà T trả tiền gốc được 20.000.000đ, ngày 18/12/2015 vay thêm 40.000.000đ, ngày 20/01/2016 bà T vay thêm 100.000.000 và viết giấy vay cộng hai lần trước là 180.000.000đ. Cả hai giấy vay không có thời hạn trả gốc, đến ngày 30/04/2016 bà T trả được 100.000.000đ và sau đó bà T còn trả được 40.000.000đ, chị không nhớ cụ thể, ngày tháng. Tổng cộng bà T trả được cho chị 160.000.000đ. còn nợ lại 254.000.000đ. Sau đó đến ngày trả lãi nhiều lần chị hỏi tiền lãi và nợ gốc bà T hứa trả 30.000.000đ tiền gốc, còn lại xin chia kỳ trả nợ dần 3 tháng 1 lần, nhưng sau đó bà T hứa song không thực hiện nên buộc chị phải làm đơn khởi kiện bà T đến Tòa án. Trong các lần hòa giải hai bên thống nhất bà T trả được 2.000.000đ tiền gốc còn nợ lại 252.000.000đ. Xét thấy bà T hoàn cảnh khó khăn chị chia kỳ cho bà T trả 1 năm 2 lần, mỗi lần 30.000.000đ nhưng bà T không đồng ý mà chỉ chấp nhận trả một năm 2 lần, mỗi lần 20.000.000đ chị không nhất trí. Nay đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả toàn bộ số tiền gốc cộng lãi xuất 0,7% tháng, tính từ thời điểm khởi kiện.

Tại phiên tòa chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi xuất buộc bà T phải trả là 0,7%/ tháng tương ứng với số tiền gốc trạm trả.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2017 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Trương Thị T trình bày: Bắt đầu từ ngày 09/08/2014 chị có vay tiền của chị Trương Thị B ở Thôn H 1, xã Ph nhiều lần để ăn và cho người khác vay lại, trong hai năm đầu đều trả lãi đúng hạn, cứ 10 ngày trả 1 lần, lãi xuất 04% / ngày và đã trả được tổng số tiền gốc cho chị B là 162.000.000đ nhưng sau đó do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ và do bị lũ quét cuốn hết lợn gà nên từ năm 2016 chị không trả được tiền lãi và gốc cho chị B. Hiện nay còn nợ lại chị B tiền gốc là 252.000.000đ. Nay chị xin chị B cho chị trả nợ làm nhiều lần cho đến khi trả hết số tiền 252.000.000đ, phần lãi xuất từ năm 2016 cho đến nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị xin không phải trả. Tại phiên Tòa chị B rút phần yêu cầu về tính lãi bà xin cảm ơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C được quy định tại Điều 39 – BLTTDS năm 2015 vì bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự: Nguyên đơn chị Trương Thị B yêu cầu bà Trương Thị T trả số tiền nợ vay ngày 19/10/2015 và ngày 20/01/2016, số nợ gốc còn lại là 252.000.000đ. Giấy vay không kỳ hạn và thỏa thuận về lãi xuất nên quan hệ pháp luật được xác định là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 3 Điều 26- BLTTDS năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà T phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 252.000.000đ, theo giấy vay nợ ngày 19/10/2015 và ngày 20/01/2016. Chị rút yêu cầu về phần tính lãi xuất. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Hội đồng xét xử thấy rằng chị B và chị T từ năm 2014 đã thực hiện nhiều lần giao dịch cho vay tiền, ngày 19/10/2015 chị T chốt nợ với chị B tổng hợp toàn bộ số nợ gốc của các lần vay trước đó vào một giấy vay, tổng số tiền là 234.000.000đ, ngày 20/01/2016 bà T lại viết giấy chốt nợ các lần vay sau là 180.000.000đ. Cả hai giấy vay không có thời hạn. Sau đó chị T đã trả cho chị B tổng cộng 160.000.000đ. Còn nợ lại 254.000.000đ. Tại các phiên hòa giải hai bên đều thống nhất thời gian bắt đầu giao dịch vay tiền và thời gian viết hai giấy vay chốt nợ năm 2015 và 2016 và số tiền chị T đã trả, ngoài ra hai bên còn thống nhất năm 2017 chị T trả thêm được 2.000.000đ tiền gốc sau đó chị T không trả được nợ gốc và lãi như cam kết. Tại các phiên hòa giải do hoàn cảnh gia đình chị T khó khăn nên chị B cho chị T trả nợ theo kỳ, mỗi năm 2 lần, trả mỗi lần 30.000.000đ nhưng chị T không thống nhất mà chỉ chấp nhận trả một năm 2 lần, mỗi lần 20.000.000đ cho đến khi trả hết số nợ còn lại là 252.000.000đ. Tại phiên tòa chị B rút một phần yêu cầu bà T phải trả thêm phần lãi xuất 0,7/tháng. Vì vậy, xét về chứng cứ trong vụ án do nguyên đơn cung cấp là hợp lệ nên yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận và buộc chị Trương Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị B số tiền vay gốc còn nợ lại sau khi đã trả là 252.000.000đ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị B về yêu cầu bà T phải trả thêm phần lãi xuất 0,7% / tháng.

Về án phí dân sự: Bà T phải chịu án phí DSST đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận: $5\% \times 252.000.000\text{đ} = 12.600.000\text{đ}$.

Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho chị Trương Thị B

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 468, Điều 469– Bộ luật dân sự 2015. Khoản 3 Điều 26; Điều 39, Điều 147 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 6 Điều 19, Điều, Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị B

[2]. Buộc chị Trương Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho chị Trương Thị B số tiền vay sau khi đã trả còn lại 252.000.000đ (Hai trăm năm hai triệu đồng).

Kể từ sau khi án có hiệu lực pháp luật chị B có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án ra quyết định, chị T chưa thi hành số tiền phải thi hành án thì hàng tháng chị T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 –BLDS năm 2015, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

[3]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị B về yêu cầu chị T phải chịu lãi xuất.

[4]. Về án phí: Buộc chị Trương Thị T phải nộp 12.600.000đ (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí DSST. Trả lại chị B số tiền nộp tạm ứng án phí 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tại Chi cục THA huyện C, theo biên lai thu tiền số AA/2014/00653, ngày 14/11/2017.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THA dân sự huyện C
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Vũ Văn Nga

